

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):

16/7/2021

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):

153920/21/CBMP-QLD

TUQ. CỤC TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM



Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☒ Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

SENSODYNE

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

SENSODYNE REPAIR & PROTECT DEEP REPAIR

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

- Sản phẩm để chăm sóc răng và miệng (Products for care of the teeth and the mouth)

Dạng sản phẩm khác:

3. Mục đích sử dụng (Intended use)

1) Làm sạch răng miệng 2) Giúp loại bỏ mảng bám, ngăn ngừa sâu răng, hơi thở thơm mát 3) Giúp giảm ê buốt răng

4. Dạng trình bày (Product presentation(s))
-Dạng đơn lẻ (Single product)

Dạng trình bày khác:

THÔNG TIN VỀ NHÀ SẢN XUẤT/ ĐÓNG GÓI

(Đề nghị đính kèm danh sách riêng nếu như có nhiều hơn một công ty tham gia sản xuất/ đóng gói để tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh)

PARTICULARS OF MANUFACTURER (S)/ASSEMBLER(S)

(Please attach in a separate sheet if there are more than one manufacturer/assembler)

5. Nhà sản xuất:

STT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Số ĐT	Fax	Nước sản xuất
1	NEOCOSMED CO., LTD	222 Moo 4 Rahaeng, Ladlumkaew, Pathumthani 12140, Thailand	006629762314	006629762318	Thái Lan

6. Công ty đóng gói:

STT	Tên ĐV Đóng gói	Loại đóng gói	Địa chỉ	Số ĐT	Fax	Nước đóng gói
1	NEOCOSMED CO., LTD	Đóng gói chính	222 Moo 4 Rahaeng, Ladlumkaew, Pathumthani 12140, Thailand	006629762314	006629762318	Thái Lan
2	NEOCOSMED CO., LTD	Đóng gói thứ cấp	222 Moo 4 Rahaeng, Ladlumkaew, Pathumthani 12140, Thailand	006629762314	006629762318	Thái Lan

7. Công ty xuất khẩu:

STT	Tên công ty xuất khẩu	Sản phẩm MP được lưu hành tự do tại nước xuất khẩu	Địa chỉ	Số ĐT	Fax	Nước xuất khẩu
1	GlaxoSmithKline Consumer Trading Services Limited (tên viết tắt: GSK Consumer Trading Services Limited)	Không	980 Great West Road, Brentford, TW8 9GS, United Kingdom	442080475000		United Kingdom

**THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM
ĐƯA SẢN PHẨM MỸ PHẨM RA THỊ TRƯỜNG**

**PARTICULARS OF LOCAL COMPANY RESPONSIBLE FOR PLACING
THE COSMETIC PRODUCT IN THE MARKET**

8. Tên công ty (Name of company):

**CÔNG TY TNHH GLAXOSMITHKLINE HÀNG TIÊU DÙNG VÀ CHĂM SÓC
SỨC KHỎE VIỆT NAM**

Địa chỉ công ty (Address of company):

**Tầng 16, tòa nhà Metropolitan, số 235, đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP.HCM, Việt Nam**

Tel: **08 3827 5927**

Fax: **08 3827 5929**

Số giấy phép kinh doanh/Số giấy phép hoạt động (Business Registration Number/License to Operate Number): **0313854200**

**THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
PARTICULARS OF PERSON REPRESENTING THE LOCAL COMPANY**

9. Họ và tên (Name of person):

NAVEED AHMAD

Tel: **08 3827 5927**

Email: **naveed.x.ahmed@gsk.com**

Chức vụ ở công ty (Designation in the company): **Chủ tịch công ty**

**THÔNG TIN VỀ CÔNG TY NHẬP KHẨU
PARTICULARS OF IMPORTER**

10. Tên công ty nhập khẩu/ Name of Importer:

**CÔNG TY TNHH GLAXOSMITHKLINE HÀNG TIÊU DÙNG VÀ CHĂM SÓC
SỨC KHỎE VIỆT NAM**

Địa chỉ công ty (Address of company):

**Tầng 16, tòa nhà Metropolitan, số 235, đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP.HCM, Việt Nam**

Tel: **08 3827 5927**

Fax:

**DANH SÁCH THÀNH PHẦN
PRODUCT INGREDIENT LIST**

11. Đề nghị kiểm tra ô sau đây (Please check the following boxes)

☒ Tôi đã kiểm tra bản sửa đổi từ Phụ lục II đến Phụ lục VII của danh mục các thành phần mỹ phẩm ASEAN như được công bố trên bản sửa đổi gần đây nhất của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN. Tôi xin xác nhận rằng sản phẩm được đề cập đến trong bản công bố này không chứa bất cứ một thành phần bị cấm nào và cũng tuân thủ với danh mục hạn chế và các điều kiện quy định trong các phụ lục.

I have examined the latest revisions of the Annexes II to VII of the ASEAN Cosmetic Ingredient Listing as published in the latest amendment of the ASEAN Cosmetic Directive and confirmed that the product in this notification does not contain any prohibited substances and is in compliance with the restrictions and conditions stipulated in the Annexes.

☒ Tôi đảm nhận trách nhiệm trả lời và hợp tác toàn diện với cơ quan có thẩm quyền về bất kỳ hoạt động kiểm soát sau khi bán hàng khi có yêu cầu bởi cơ quan có thẩm quyền.

I undertake to respond to and cooperate fully with the regulatory authority with regard to any subsequent post-marketing activity initiated by the authority.

Danh sách thành phần đầy đủ (product full ingredient list)

(Yêu cầu ghi đầy đủ danh sách tất cả các thành phần và tỉ lệ % của những chất có giới hạn về nồng độ, hàm lượng sử dụng trong mỹ phẩm - To submit ingredient list with percentages of restricted ingredients)

STT	Tên đầy đủ thành phần (tên danh pháp quốc tế hoặc sử dụng tên khoa học chuẩn đã được công nhận) <i>Full Ingredient name (use INCI or approved nomenclature in standard references)</i>	Tỉ lệ % của những chất có giới hạn về nồng độ, hàm lượng	Ghi chú
1	Glycerin		
2	PEG-8		
3	Hydrated Silica		
4	Calcium Sodium Phosphosilicate		
5	Cocamidopropyl Betaine		

6	Sodium Methyl Cocoyl Taurate		
7	Aroma		
8	Titanium Dioxide	1,0	
9	Carbomer		
10	Silica		
11	Sodium Saccharin		
12	Sodium Fluoride	0,3152	
13	Limonene		

CAM KẾT (DECLARATION)

1. Thay mặt cho công ty, tôi xin cam kết sản phẩm được đề cập trong Phiếu công bố này đạt được tất cả các yêu cầu của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN và các phụ lục của nó.

I hereby declare on behalf of my company that the product in the notification meets all the requirements of the ASEAN Cosmetic Directive, its Annexes and Appendices.

2. Tôi xin chịu trách nhiệm tuân thủ các điều khoản sau đây (*I undertake to abide by the following conditions*):

- i. Đảm bảo có sẵn để cung cấp các thông tin kỹ thuật và tính an toàn khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và có đầy đủ hồ sơ về các sản phẩm đã được phân phối để báo cáo trong trường hợp sản phẩm phải thu hồi.

Ensure that the product's technical and safety information is made readily available to the regulatory authority concerned ("the Authority") and to keep records of the distribution of the products for product recall purposes;

- ii. Phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các tác dụng phụ nghiêm trọng gây chết người hoặc đe dọa tính mạng của sản phẩm bằng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc văn bản trước 7 ngày kể từ ngày biết thông tin.

Notify the Authority of fatal or life threatening serious adverse event¹ as soon as possible by telephone, facsimile transmission, email or in writing, and in any case, no later than 7 calendar days after first knowledge;

- iii. Phải hoàn thành báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm (theo mẫu quy định) trong vòng 8 ngày làm việc kể từ ngày thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về những tác dụng phụ nghiêm trọng như đã nêu trong mục 2ii nói trên và cung cấp bất cứ thông tin nào theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Complete the Adverse Cosmetic Event Report Form¹ within 8 calendar days from the date of my notification to the Authority in para 2ii. above, and to provide any other information as may be requested by the Authority;

- iv. Thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các phản ứng phụ nghiêm trọng nhưng không gây chết người hoặc đe dọa đến tính mạng của sản phẩm và trong bất cứ trường hợp nào, việc báo cáo (sử dụng mẫu báo cáo) về tác dụng phụ phải được tiến hành trước 15 ngày kể từ ngày biết về tác dụng phụ này.

Report to the Authority of all other serious adverse events that are not fatal or life threatening as soon as possible, and in any case, no later than 15 calendar days after first knowledge, using the Adverse Cosmetic Event Report Form;

- v. Công bố với cơ quan có thẩm quyền khi có bất cứ sự thay đổi nào trong bản công bố này.

Notify the Authority of any change in the particulars submitted in this notification;

3. Tôi xin cam đoan rằng những thông tin được đưa ra trong bản công bố này là đúng sự thật. Tất cả các tài liệu, các thông tin liên quan đến nội dung công bố sẽ được cung cấp và các tài liệu đính kèm là bản hợp pháp hoặc sao y bản chính.

¹ Như đã được định nghĩa rõ ràng trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm. As defined in the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Products

¹ Trình bày trong phụ lục I trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm. Set out in Appendix I to the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Products

I declare that the particulars given in this notification are true, all data, and information of relevance in relation to the notification have been supplied and that the documents enclosed are authentic or true copies.

4. Tôi hiểu rằng tôi sẽ có trách nhiệm để đảm bảo tất cả các lô sản phẩm của chúng tôi đều đáp ứng các yêu cầu pháp luật, và tuân thủ tất cả tiêu chuẩn và chỉ tiêu sản phẩm đã được công bố với cơ quan có thẩm quyền.

I understand that I shall be responsible for ensuring that each consignment of my product continues to meet all the legal requirements, and conforms to all the standards and specifications of the product that I have declared to the Authority.

5. Tôi hiểu rằng trong trường hợp có tranh chấp pháp luật, tôi không được quyền sử dụng bản công bố sản phẩm mỹ phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận nếu sản phẩm của chúng tôi không đạt được các yêu cầu về tiêu chuẩn, chỉ tiêu mà chúng tôi đã công bố.

I understand that I cannot place reliance on the acceptance of my product notification by the authority in any legal proceedings concerning my product, in the event that my product has failed to conform to any of the standards or specifications that I had previously declared to the Authority.

Tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty

[Name and Signature of person representing the local company]



Naveed Ahmad

Chairman of GlaxoSmithKline Consumer Healthcare Vietnam Company Limited
Chủ tịch công ty TNHH GlaxoSmithKline Hàng Tiêu Dùng và Chăm Sóc Sức Khỏe Việt Nam

Dấu của công ty

[Company stamp]

Ngày 13/07/2021



บริษัท นีโอคอสเมด จำกัด
NEOCOSMED CO., LTD.

222 Moo 4 Rahaeng, Ladlumbkaew, Pathumthani 12140

NEOCOSMED CO., LTD.

Tel. (662) 976-2314-7, (662) 599-2150-1, Fax. (662) 976-2318

CERTIFICATE OF ANALYSIS

PRODUCT : SENSODYNE REPAIR AND PROTECT DEEP REPAIR

FORMULA NO. : MFC05093

SIZE : 100 g

NCC CODE : 0441814

BATCH NO. 2721221

MANUFACTURING DATE : 241221

EXPIRY DATE : 241223

PROPERTIES AND CONDITIONS	REQUIREMENT	T.M.	RESULTS
Appearance	Smooth glossy, white toothpaste, free from foreign matter. Product must have acceptable stand-up with limited spreading.	C-5012_1.6	Conforms
pH (neat) @20-27°C	5.0 - 6.5	C-5012_10	6.2
pH (1:3 dilution) @20-27°C	7.5 - 9.5	C-5012_10	9.1
Apparent Viscosity @23-27°C, cps	80,000 - 250,000	C5012_18.2	176,000
Apparent Density @20°C or 25°C, g/ml	1.29 - 1.35	C5012_15.2	1.31
Total Fluoride , ppm	1,319- 1,497	C-5043	1,418
Free Fluoride , ppm	1,248 - 1,497	C-2000	1,376
Novamin Assay, ppm	7,350 - 9,450	C-5532	8,588
Microbiological Testing :			
Total Aerobic Microbial Count, cfu/g	$\leq 10^2$	M22_T	<20
Total Yeast & Mold Count, cfu/g	$\leq 10^1$	M22_F	<10
<i>Pseudomonas aeruginosa</i> /g	Absent	M22_PA	Absent
<i>Staphylococcus aureus</i> /g	Absent	M22_SA	Absent
<i>Candida albicans</i> /g	Absent	M22_CA	Absent
Water Activity	≤ 0.60	M13	0.036

Name: Nattakarn Waiyaka

Position: QA Supervisor

Name: Pakkaporn Chansae

Position: Assistant QA Manager

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country) NEOCOSMED COMPANY LIMITED 222 MOO 4, RAHAENG, LADLUMKAEW PATHUMTHANI 12140 THAILAND TEL: 02-9762314 FAX: 02-9762318 TAX ID: 0105537134887		Reference No. D2022-0026506			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country) GLAXOSMITHKLINE CONSUMER HEALTHCARE VIETNAM COMPANY LIMITED 16TH FLOOR, THE METROPOLITAN TOWER, 235 DONG KHOI STREET, BEN NGHE WARD, DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY VIETNAM		ASEAN TRADE IN GOODS AGREEMENT / ASEAN INDUSTRIAL COOPERATION SCHEME CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM D Issued in THAILAND (Country) See Overleaf Notes			
3. Means of transport and route (as far as known) BY SEA FREIGHT Departure date 22/01/2022 Vessel's name / Aircraft etc. PADIAN 4 V.2116N Port of Discharge HO CHI MINH CITY, VIETNAM		4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under ASEAN Trade in Goods Agreement ☐ Preferential Treatment Given Under ASEAN Industrial Cooperation Scheme ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country			
i. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country) Page : 1 of 2	8. Origin criterion (See Overleaf Notes)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB) where RVC is applied	10. Number and date of invoices
1	GSK	HS. CODE. 3306.10.10 SENSODYNE REPAIR&PROTECT DEEP REPAIR WHIT (TOOTHPASTE) ****	"CTH"	3,008.80 KILOGRAM	6979034222 26/01/2022
2	SENSODYNE GSK VIETNAM	HS. CODE. 3306.10.10 SENSODYNE REPAIR&PROTECT DEEP REPAIR TP (TOOTHPASTE) ****	"CTH"	2,996.00 KILOGRAM	6979034222 26/01/2022
3		HS. CODE. 3306.10.10 SENSODYNE RAPID ACTION TP 1X100G (TOOTHPASTE) ****	"CTH"	8,467.25 KILOGRAM	6979034222 26/01/2022
4		HS. CODE. 3306.10.10 SENSODYNE RAPID ACTION WHITENING (TOOTHPASTE) ****	"CTH"	8,368.85 KILOGRAM	6979034222 26/01/2022
5		HS. CODE. 3306.10.10 SENSODYNE FRESH MINT TP 1X160G (TOOTHPASTE) ****	"CTH"	3,319.86 KILOGRAM	6979034222 26/01/2022
6		HS. CODE. 3306.10.10 SENSODYNE FRESH MINT TP 1X100G (TOOTHPASTE) ****	"CTH"	3,470.80 KILOGRAM	6979034222 26/01/2022
7		HS. CODE. 3306.10.10 SENSODYNE MULTICARE TP 1X100G (TOOTHPASTE) ****	"CTH"	3,298.50 KILOGRAM	6979034222 26/01/2022
8		HS. CODE. 3306.10.10 SENSODYNE COOL GEL TOOTHPASTE 1X100G ****	"CTH"	3,316.70 KILOGRAM	6979034222 26/01/2022
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in THAILAND (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the ASEAN Trade in Goods Agreement for the goods exported to VIETNAM (Importing Country) PATHUMTHANI 12140 28/01/2022 Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Department of Foreign Trade SUARNABHUMI AIRPORT 28/01/2022		
13. ☒ Third-Country Invoicing ☐ Exhibition ☐ Accumulation ☐ De Minimis					

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country) NEOCOSMED COMPANY LIMITED 222 MOO 4, RAHAENG, LADLUMKAEW PATHUMTHANI 12140 THAILAND TEL: 02-9762314 FAX: 02-9762318 TAX ID: 0105537134887		Reference No. D2022-0026506 ASEAN TRADE IN GOODS AGREEMENT / ASEAN INDUSTRIAL COOPERATION SCHEME CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM D Issued in THAILAND (Country) See Overleaf Notes			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country) GLAXOSMITHKLINE CONSUMER HEALTHCARE VIETNAM COMPANY LIMITED 16TH FLOOR, THE METROPOLITAN TOWER, 235 DONG KHOI STREET, BEN NGHE WARD, DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY VIETNAM					
3. Means of transport and route (as far as known) BY SEA FREIGHT Departure date 22/01/2022 Vessel's name / Aircraft etc. PADIAN 4 V.2116N Port of Discharge HO CHI MINH CITY, VIETNAM		4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under ASEAN Trade in Goods Agreement ☐ Preferential Treatment Given Under ASEAN Industrial Cooperation Scheme ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country			
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country) Page : 2 of 2	8. Origin criterion (See Overleaf Notes)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB) where RVC is applied	10. Number and date of invoices
9	GSK SENSODYNE GSK VIETNAM	HS. CODE. 3306.10.10 SENSODYNE COOL GEL TOOTHPASTE 1X160G 105 PALLETS **** TOTAL: EIGHT THOUSAND ONE HUNDRED TWENTY THREE (8,123) CASE**** GSK CONSUMER TRADING SERVICES LTD 980 GREAT WEST ROAD BRENTFORD TW8 9GS UNITED KINGDOM	"CTH"	3,295.50 KILOGRAM 39,542.26 KILOGRAM	6979034222 26/01/2022
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in THAILAND (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the ASEAN Trade in Goods Agreement for the goods exported to VIETNAM (Importing Country) PATHUMTHANI 12140 28/01/2022 Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Department of Foreign Trade SUARNABHUMI AIRPORT 28/01/2022		
13. ☒ Third-Country Invoicing ☐ Exhibition ☐ Accumulation ☐ De Minimis					

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

0451508816

Số tờ khai 104515088161

Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 3

Mã loại hình

A41 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 3306

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

CCHQDTHCM

Mã bộ phận xử lý tờ khai 01

Ngày đăng ký 08/02/2022 18:50:40

Ngày thay đổi đăng ký 14/02/2022 17:09:19

Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

Người nhập khẩu

Mã 0313854200

Tên CÔNG TY TNHH GLAXOSMITHKLINE HÀNG TIÊU DÙNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE VIỆT NAM

Mã bưu chính (+84) 43

Địa chỉ Tầng 16, Tòa nhà Metropolitan, Số 235, Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM, Việt Nam

Số điện thoại 08 3827 5927

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

Tên GSK CONSUMER TRADING SERVICES LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ 980 GREAT WEST ROAD
TW8 9GS

BRENTFORD

UNITED KINGDOM

Mã nước GB

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn

Địa điểm lưu kho

02CIS01

TONG CTY TAN CANG SG

1 2201226840272589

Địa điểm dỡ hàng

VNCLI

CANG CAT LAI (HCM)

2

Địa điểm xếp hàng

THBKK

BANGKOK

3

Phương tiện vận chuyển

9999

PADIAN 4 V 2116N

4

Ngày hàng đến

25/01/2022

Số lượng

105

PL

Ký hiệu và số hiệu

Tổng trọng lượng hàng (Gross)

39.542,26

KGM

Số lượng container

3

Ngày được phép nhập kho đầu tiên 08/02/2022

Mã văn bản pháp quy khác

Số hóa đơn

A - 6979034222

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành

26/01/2022

Phương thức thanh toán

KC

Tổng trị giá hóa đơn

A - CIP - USD -

Tổng trị giá tính thuế

Tổng hệ số phân bổ trị giá

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1

-

2

-

3

-

4

-

5

-

Mã phân loại khai trị giá

7

Khai trị giá tổng hợp

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển

Phí bảo hiểm

Mã tên

Mã phân loại

Trị giá khoản điều chỉnh

Tổng hệ số phân bổ

1

-

2

-

3

-

4

-

5

-

Chi tiết khai trị giá

Phương thức thanh toán: TT. CBMP số: 152956/21/CBMP-QLD, 152957/21/CBMP-QLD ngày 06/07/2021; 153921/21/CBMP-QLD

	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng				
1	V Thuế GTGT	VND	9	Tổng tiền thuế phải nộp		VND	
2		VND		Số tiền bảo lãnh		VND	
3		VND		Tỷ giá tính thuế	USD	-	
4		VND				-	
5		VND				-	
6		VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế	1
				Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế	A
Tổng số trang của tờ khai				11	Tổng số dòng hàng của tờ khai		9

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai	104515088161	Số tờ khai đầu tiên	/			
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Mã phân loại kiểm tra	3	Mã loại hình	A41	2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3306
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CCHQĐTHCM				Mã bộ phận xử lý tờ khai	01
Ngày đăng ký	08/02/2022 18:50:40	Ngày thay đổi đăng ký	14/02/2022 17:09:19	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/	/
Số đính kèm khai báo điện tử	1	-	2	-	3	-
Phần ghi chú	CO FORM D: ##28012022D2022-0026506##					

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp			Số quản lý người sử dụng			00021
Phân loại chỉ thị của Hải quan B						
	Ngày	Tên	Nội dung			
1	11/02/2022	TB	Nghị vấn theo thông báo nghị vấn số 233/TB			
2	11/02/2022	TB	Thời gian tham vấn: 30 ngày theo quy định			
3	11/02/2022	TB	Địa điểm tham vấn: Bộ phận tham vấn giá thuộc Đội NVHĐTKD			
4	11/02/2022	TB	Bổ sung chứng từ, tài liệu theo quy định tại điểm b2 khoản 4 điều 25 được sửa đổi, bổ sung tại thông tư 39/2018/TT-BTC			
5	14/02/2022	kem danh rang	tvg			
6	/	/				
7	/	/				
8	/	/				
9	/	/				
10	/	/				

Mục thông báo của Hải quan
 Ngày khai báo nộp thuế / /
 Tổng số tiền thuế chậm nộp

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)		/	/	
Địa điểm		Ngày đến		Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/	/	~ / /
	2	/	/	~ / /
	3	/	/	~ / /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế				

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **104515088161** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **3** Mã loại hình **A41 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **3306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CCHQDTHCM** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **08/02/2022 18:50:40** Ngày thay đổi đăng ký **14/02/2022 17:09:19** Thời hạn tái nhập/ tái xuất **/ /**

<01>

Mã số hàng hóa **33061010** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá **[]**
 Mô tả hàng hóa **Kem đánh răng Sensodyne - SENSODYNE REPAIR&PROTECT DEEP REPAIR WHT. Batch no: 2231221, MGF: 20/12/2021, EXP: 20/12/2023. Hàng mới 100%.**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	22.056	UNA
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	2.205,6	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	UNA
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNA
Thuế suất C	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	TH - THAILNI - B04
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **104515088161** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **3** Mã loại hình **A41 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **3306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CCHQDTHCM** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **08/02/2022 18:50:40** Ngày thay đổi đăng ký **14/02/2022 17:09:19** Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<02>

Mã số hàng hóa **33061010** Mã quản lý riêng
 Mô tả hàng hóa **Kem đánh răng Sensodyne -SENSODYNE REPAIR&PROTECT DEEP REPAIR TP. Batch no: 2721221, MGF: 24/12/2021, EXP: 24/12/2023. Hàng mới 100%.** Mã phân loại tái xác nhận giá []

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	21.960	UNA
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	2.196	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	UNA
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNA
Thuế suất	C	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	TH - THAILNI - B04
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai	104515088161	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	3	Mã loại hình	A41 2 [4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CCHQDTHCM	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3306
Ngày đăng ký	08/02/2022 18:50:40	Mã bộ phận xử lý tờ khai	01
Ngày thay đổi đăng ký	14/02/2022 17:09:19	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ /

<03>

Mã số hàng hóa 33061010 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa Kem đánh răng Sensodyne -SENSODYNE RAPID ACTION TP 1X100G. Batch no: 2771221, MGF: 26/12/2021, EXP: 26/12/2023. Hàng mới 100%.

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	64.560	UNA
Trị giá hóa đơn		Số lượng (2)	6.456	KGM
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	- USD	UNA
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND	UNA
Thuế suất C		Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	TH - THAILAND - B04	
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai	104515088161	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	3	Mã loại hình	A41 2 [4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CCHQDTHCM	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3306
Ngày đăng ký	08/02/2022 18:50:40	Mã bộ phận xử lý tờ khai	01
Ngày thay đổi đăng ký	14/02/2022 17:09:19	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ /

<04>

Mã số hàng hóa	33061010	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa	Kem đánh răng - Sensodyne Rapid Action Whitening. Batch no: 110122, MGF: 05/01/2022, EXP: 05/01/2024. Hàng mới 100%.		

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	63,792	UNA
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	6.379,2	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	UNA
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNA
Thuế suất	C 0%	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	TH - THAILNI - B04
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **104515088161** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **3** Mã loại hình **A41 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **3306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CCHQDTHCM** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **08/02/2022 18:50:40** Ngày thay đổi đăng ký **14/02/2022 17:09:19** Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<05>

Mã số hàng hóa **33061010** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa **Kem đánh răng Sensodyne - SENSODYNE FRESH MINT TP 1X160G. Batch no: 170122, MGF: 05/01/2022, EXP: 05/01/2025. Hàng mới 100%.**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	16.704	UNA
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	2.672,64	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	UNA
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNA
Thuế suất C	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	TH - THAILNI - B04
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **104515088161** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **3** Mã loại hình **A41 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **3306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CCHQDTHCM** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **08/02/2022 18:50:40** Ngày thay đổi đăng ký **14/02/2022 17:09:19** Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<06>

Mã số hàng hóa **33061010** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa **Kem đánh răng Sensodyne -SENSODYNE FRESH MINT TP 1X100G. Batch no: 220122, MGF: 06/01/2022, EXP: 06/01/2025. Hàng mới 100%.**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	26.856	UNA
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	2.685,6	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	UNA
Trị giá tính thuế (S)	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	- VND	UNA
Thuế suất C	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	TH - THAILAND - B04	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **104515088161** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **3** Mã loại hình **A41 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **3306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CCHQDTHCM** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **08/02/2022 18:50:40** Ngày thay đổi đăng ký **14/02/2022 17:09:19** Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<07>

Mã số hàng hóa **33061010** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa **Kem đánh răng Sensodyne -SENSODYNE MULTI CARE TP 1X100G. Batch no: 250122, MGF: 07/01/2022, EXP: 07/01/2025. Hàng mới 100%.**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	25.560	UNA
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	2.556	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	UNA
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNA
Thuế suất C	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	TH - THAILNI - B04
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **104515088161** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **3** Mã loại hình **A41 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **3306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CCHQDTHCM** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **08/02/2022 18:50:40** Ngày thay đổi đăng ký **14/02/2022 17:09:19** Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /

<08>

Mã số hàng hóa **33061010** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa **Kem đánh răng Sensodyne -SENSODYNE COOL GEL TOOTHPASTE 1X100G. Batch no: 530122, MGF: 07/01/2022, EXP: 07/01/2025. Hàng mới 100%.**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	25.704	UNA
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	2.570,4	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	UNA
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNA
Thuế suất C		Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ TH	- THAILNI - B04
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất VB901
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu (cơ quan Hải quan thực hiện)

Số tờ khai **104515088161** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **3** Mã loại hình **A41 2 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **3306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **CCHQDTHCM** Mã bộ phận xử lý tờ khai **01**
 Ngày đăng ký **08/02/2022 18:50:40** Ngày thay đổi đăng ký **14/02/2022 17:09:19** Thời hạn tái nhập/ tái xuất **/ /**

<09>

Mã số hàng hóa **33061010** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá **[]**
 Mô tả hàng hóa **Kem đánh răng Sensodyne - SENSODYNE COOL GEL TOOTHPASTE 1X160G. Batch no: 570122, MGF: 08/01/2022, EXP: 08/01/2025. Hàng mới 100%.**

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	16.704	UNA
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	2.672,64	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	- USD	UNA
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNA
Thuế suất C		Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	TH - THAILNI - B04
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND			
	Số tiền miễn giảm	VND			